UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG HÀ NỘI

HANOI URBAN PLANNING INSTITUTE (HUPI) - TRUNG TÂM QHKT3

QUY HOẠCH CHI TIẾT HAI BÊN BỜ SÔNG TÔ LỊCH, TỶ LỆ 1/500 (ĐOẠN 3)

ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG HOÀNG LIỆT, YÊN SỞ, HOÀNG LIỆT VÀ CÁC XÃ ĐẠI THANH, THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN

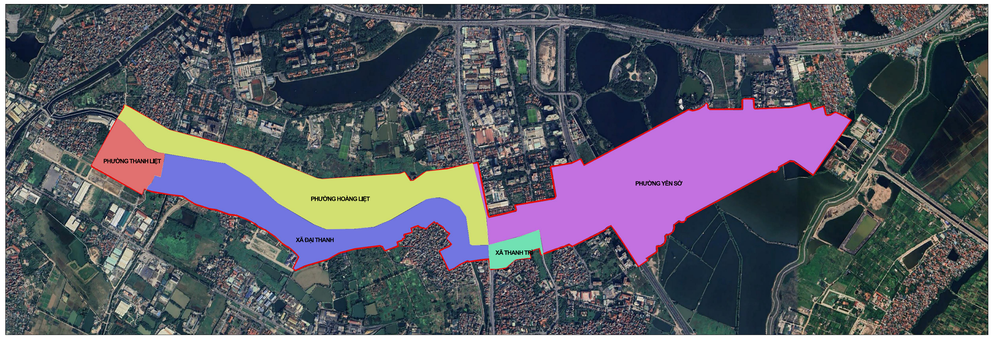

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH (ĐOẠN3)
- RANH GIỚI PHƯỜNG, XÃ
- ĐẤT Ở LÀNG XÓM ĐÔ THỊ HOÁ
- CÔNG TRÌNH, TẦNG CAO
- CÂY XANH CẢNH QUAN
- SÂN, ĐƯỜNG DẠO
- ĐƯỜNG GIAO THÔNG
- MẶT NƯỚC
- TRẠM Y TẾ
- TRUNG TÂM VĂN HÓA (NHÀ VĂN HOÁ, RẠP CHIẾU PHIM, THƯ VIỆN,...)
- TRUNG TÂM DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TỔNG HỢP, TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG...
- DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, CHỢ...
- BÃI ĐỖ XE
- BỆNH VIỆN
- CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO

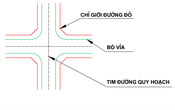

CHÚ THÍCH:

A: KÝ HIỆU Ô ĐẤT (1,2,3,4)

B: DIỆN TÍCH KHU Ô, LÔ ĐẤT QUY HOẠCH (M2)

KÍ HIỆU CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT:

LK: ĐẤT NHÀ Ở LIÊN KẾ
CC: ĐẤT NHÀ Ở CHUNG CƯ
HH: ĐẤT NHÀ Ở HỖN HỢP
LX: ĐẤT NHÀ Ở LÀNG XÓM ĐÔ THỊ HOÁ
VH: ĐẤT VĂN HOÁ
YT: ĐẤT Y TẾ
TH: ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THCS: ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
TH: ĐẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC
NT: ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
TDTT: ĐẤT THỂ DỤC THỂ THAO
CX: ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG
TM: ĐẤT THƯƠNG MẠI
CQ: ĐẤT CƠ QUAN
TG: ĐẤT ĐI TÍCH, TÔN GIÁO
CXHC: ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ
P: ĐẤT BÃI ĐỖ XE
HT: ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
DL: ĐẤT DU LỊCH
QP: ĐẤT QUỐC PHÒNG
HO: HỒ, AO, ĐẦM
SO: SÔNG TÔ LỊCH

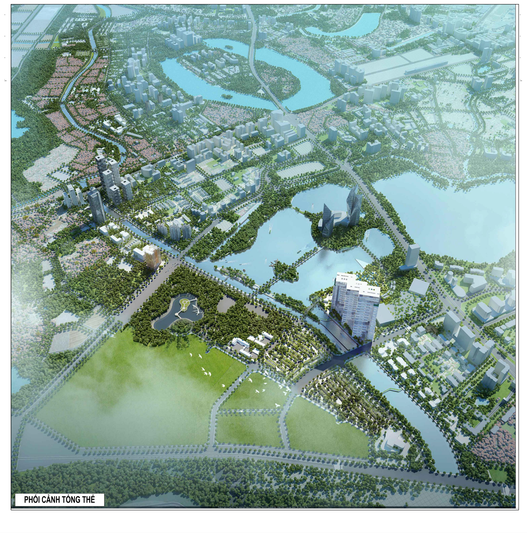

BẢNG TỔNG HỢP CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT
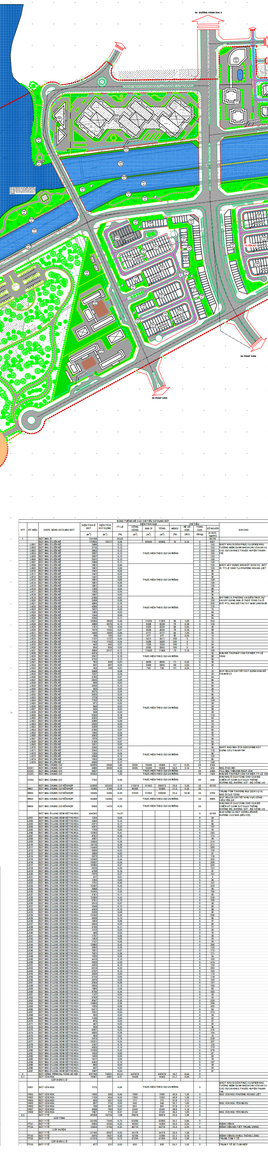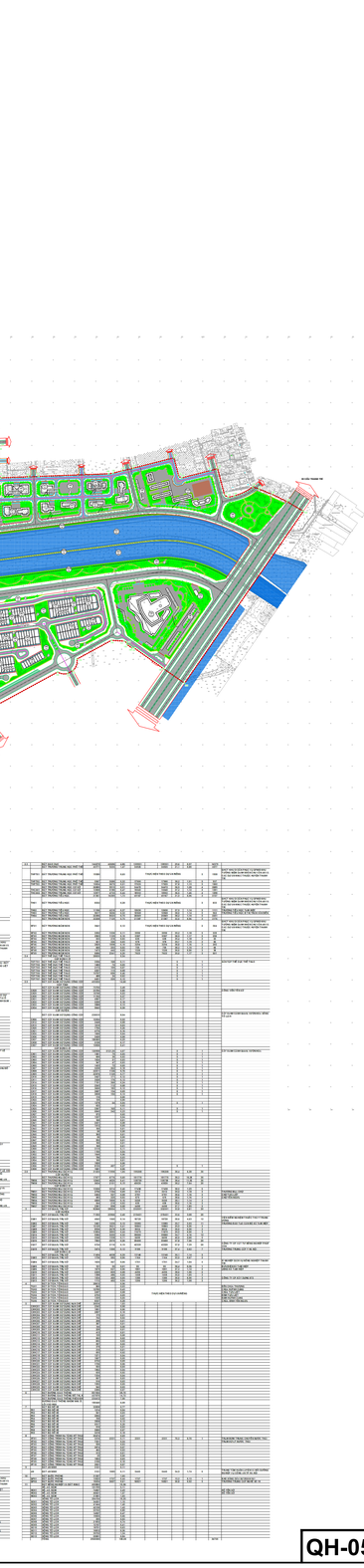
STT	CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (m2)	TỶ LỆ (%)	SỐ NGƯỜI (người, học sinh)	GHI CHÚ
1	ĐẤT Ở HIỆN CÓ	1,180,000	20.50	118000	
	ĐẤT Ở HIỆN CÓ LIÊN KẾ	176619	6.09	6627	
	ĐẤT Ở HIỆN CHUNG CƯ	55052	1.85	5165	
	ĐẤT Ở HIỆN CHUNG CƯ HỖN HỢP	63938	2.15	10759	
	ĐẤT Ở HIỆN Ở LÀNG XÓM ĐÔ THỊ HÓA	446043	14.97	12169	Bao gồm cả đất nước bán hỗ, đường vào nhà (mẫu cũ)
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI	697740	23.51		
2.1	ĐẤT Y TẾ HỖN HỢP Ở Ở	10967	0.37		
2.2	ĐẤT Y TẾ	49998	1.68		
	ĐẤT Y TẾ CẤP TỈNH	23136	0.78		
	ĐẤT Y TẾ CẤP HUYỆN	27165	0.92		
	ĐẤT Y TẾ CẤP ĐƠN VỊ Ở	677	0.02		
2.3	ĐẤT GIÁO DỤC	144275	4.86		
	ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	43771	1.47	4377	Khoảng 4377 học sinh
	ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ	26985	0.91	2969	Khoảng 3069 học sinh
	ĐẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC	31519	1.06	3152	Khoảng 3152 học sinh
	ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON	22356	0.75	2170	Khoảng 2170 học sinh
2.4	ĐẤT Y THỂ DỤC THỂ THAO CẤP ĐƠN VỊ Ở	28035	0.94		
2.5	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG	455532	14.69		
	CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG CẤP TỈNH	72755	2.48		
	CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG CẤP HUYỆN	238019	8.04		
	CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG CẤP ĐƠN VỊ Ở	139508	4.97		
2.6	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ	31333	1.05		Bao gồm đất thương mại và dất công trình dịch vụ
	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẤP HUYỆN	17677	0.60		
	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ CẤP ĐƠN VỊ Ở	13656	0.46		
3	ĐẤT CƠ QUAN TRỤ SỞ	82846	2.79		
	ĐẤT CƠ QUAN TRỤ SỞ CẤP HUYỆN	71352	2.40		
	ĐẤT CƠ QUAN TRỤ SỞ CẤP ĐƠN VỊ Ở	11494	0.39		
4	ĐẤT DI TÍCH, TÔN GIÁO	28618	0.96		
5	ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG HẠN CHẾ	30935	1.03		
6	ĐẤT GIAO THÔNG	435570	14.72		
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG ĐỐI THỊ KHU VỰC	435570	14.72		
	ĐẤT ĐƯỜNG GIAO THÔNG PHÂN KHU VỰC	234412	7.90		
	ĐƯỜNG GIAO THÔNG NHÓM KHU Ở, LÔ VỈA HÈ	196440	6.59		
7	ĐẤT BÃI ĐỖ XE	22838	0.77		
8	ĐẤT CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC	26474	0.89		
9	ĐẤT AO HỒ	3131	0.11		
10	ĐẤT GIAO THÔNG	21000	1.28		
11	ĐẤT SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP VÀ ĐẤT KHÁC	51463	1.73		
	HỒ, AO, SÔNG	151709	5.11		Hồ Yên Sở
	SÔNG TÔ LỊCH	396154	16.35		
	TỔNG CỘNG	2969598	100